

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Long

Ông Nguyễn Đức Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1959/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Minh H; nơi cư trú: Tổ dân phố số 15, phường Nam H, quận Hải A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn T; ĐKKHKT: Tổ 15, phường Nam H, quận Hải A, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Canada, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn là chị Lê Thị Minh H trình bày: Chị và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 12 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017, thì giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do giữa chị và anh T có nhiều bất đồng về mọi mặt trong cuộc sống. Suốt thời gian dài giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xô xát, cuộc sống chung rất mệt mỏi. Đến năm 2018, anh Vũ Văn T xuất cảnh sang Canada và ở lại làm ăn kinh tế. Do khoảng cách địa lý xa

xôi cả hai cũng không còn tin tưởng và dành tình cảm cho nhau, chị và anh T cũng đã ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Cả anh và chị cũng đã cố gắng hòa giải những mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể tiếp tục duy trì, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn T để cả hai ổn định cuộc sống.

Về nuôi con chung: Chị và anh Vũ Văn T có hai con chung là cháu Vũ Thị Thanh Th, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2004 và cháu Vũ Đức T, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2017. Khi ly hôn chị đề nghị giao hai con cho anh Vũ Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Do điều kiện kinh tế cũng như sức khỏe của chị hiện nay không được đảm bảo. Việc cấp dưỡng nuôi con thì anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị và anh Vũ Văn T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai gửi về tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bị đơn là anh Vũ Văn T trình bày: Anh thống nhất với chị Lê Thị Minh H về quá trình kết hôn, về con chung, về tài sản chung cũng như nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng ly hôn. Anh T cũng xác định cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm. Nay chị Lê Thị Minh H có đơn xin ly hôn anh cũng hoàn toàn nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Minh H.

Về nuôi con chung: Anh cũng nhất trí và đề nghị được tiếp nuôi cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh và chị Lê Thị Minh H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Vũ Văn T hiện tại đang ở nước ngoài và không yêu cầu hòa giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa: Cả chị Lê Thị Minh H và anh Vũ Văn T đều có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Các đương sự cũng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở kết luận cuộc sống vợ chồng của chị Lê Thị Minh H và anh Vũ Văn T không có hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về vấn đề tình cảm. Anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy thì mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Minh H.

Về con chung, công nhận thỏa thuận về nuôi con của anh chị. Giao cho anh Vũ Văn T nuôi cả hai con. Việc cấp dưỡng chị Lê Thị Minh H và anh Vũ Văn T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Giữa chị Lê Thị Minh H và anh Vũ Văn T đều thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị Minh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Minh H và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 18 tháng 12 năm 2003, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Vũ Văn T hiện đang ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Vũ Văn T vắng mặt tại phiên tòa, anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và ủy quyền cho người nhà tại Việt Nam nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho anh. Chị Lê Thị Minh H đã nhận tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt do chị có công việc đột xuất. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị Minh H và anh Vũ Văn T.

[3] Về hôn nhân: Lời khai của chị Lê Thị Minh H thống nhất với lời khai của anh Vũ Văn T về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, đồng thời lời khai của anh chị cũng phù hợp với ý kiến của đại diện gia đình hai bên. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị Lê Thị Minh H và anh Vũ Văn T có mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống và anh Vũ Văn T không tin tưởng chị Lê Thị Minh H về vấn đề tình cảm. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình khuyên bảo, bản thân cả hai cũng đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Hiện giữa chị Lê Thị Minh H và anh Vũ Văn T đã ly thân không ai còn quan tâm tới ai. Nay cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, như vậy việc chị Lê Thị Minh H xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng. Xét, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Minh H và anh Vũ Văn T đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị Lê Thị Minh H.

[4] Về nuôi con: Khi ly hôn anh chị đều thống nhất giao hai con cho anh Vũ Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Xét: Do điều kiện kinh tế cũng như sức khỏe của chị Lê Thị Minh H hiện nay không được đảm bảo, thu nhập không ổn

định. Cháu Vũ Thị Thanh Th cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Đối với cháu Vũ Đức T dưới 36 tháng tuổi nhưng do cha mẹ có thỏa thuận để anh Vũ Văn T nuôi. Như vậy, thỏa thuận của anh chị không trái với quy định của pháp luật, hơn nữa anh Vũ Văn T ở nước ngoài có điều kiện bảo đảm quyền lợi cho các con về mọi mặt. Do vậy áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận về nuôi con của chị Lê Thị Minh H và anh Vũ Văn T. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên thỏa thuận tự giao nhận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản: Chị Lê Thị Minh H và anh Vũ Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng: Chị Lê Thị Minh H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Chị Lê Thị Minh H tự nguyện chịu các chi phí tố tụng khác, chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Lê Thị Minh H và anh Vũ Văn T được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Minh H được ly hôn với anh Vũ Văn T.

2. Về nuôi con: Giao hai con chung là cháu Vũ Thị Thanh Th, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2004 và cháu Vũ Đức T, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2017 cho anh Vũ Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Minh H và anh Vũ Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản: Chị Lê Thị Minh H và anh Vũ Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Lê Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 001814 ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thị Minh H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Lê Thị Minh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Vũ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Vĩnh Lập, H. Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Hương

